TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Chí Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên toà: Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử công khai vụ án thụ lý số: 204/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; nơi cư trú: số nhà 39, tổ 3, Ấp Ninh P, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T; sinh năm 1979; nơi cư trú: số nhà 8, tổ 12, Ấp Ninh B, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện chung sống từ năm 2008; có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn và anh T có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, từ đó thường xuyên gây gổ. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, trong

thời gian ly thân chị và anh T không có giải pháp đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T; sinh ngày 01/11/2009. Hiện con chung đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Anh T được đến thăm nom chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh thừa nhận có tình cảm với người phụ nữ khác trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhưng hiện nay đã chấm dứt. Nhiều lần anh năn nỉ chị N về đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương con, anh yêu cầu được đoàn tụ để cùng chăm lo cho con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T; sinh ngày 01/11/2009. Hiện nay con chung đang sống với chị N; nếu ly hôn anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; giao con chung Nguyễn Thị Thanh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2011 tại UBND xã B, Huyện D nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh T, anh thừa nhận có quan hệ tình cảm với người khác và hiện nay đã chấm dứt nhưng trong suốt thời gian dài sống ly thân anh T, chị N vẫn không có giải pháp đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T; sinh ngày 01/11/2009. Xét thấy, từ khi chị N và anh T sống ly thân, cháu Tsống cùng chị

N và hiện nay có nguyện vọng được sống cùng chị N. Để đảm bảo sự ổn định cần tiếp tục giao cháu Tcho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Khoản 4; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Tấn T.

Chị N và anh T chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thanh T; sinh ngày 01/11/2009.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu số 0015142 ngày 18/4/2017 (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên toà án tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- CC THA DS Huyện D,
- UBND xã B
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Chí Quốc